

Số: /KH-SCT

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Công Thương

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Công Thương, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng Kế hoạch triển khai chi tiết Chuyển đổi số của ngành Công Thương Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Công Thương tại Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, với nội dung công việc, thời gian thực hiện và đơn vị thực hiện cụ thể, tham mưu đề xuất lãnh đạo Sở Công Thương chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Chuyển đổi nhận thức về sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số trong ngành Công Thương; giúp công chức, viên chức, người lao động và nhân

dân hiểu được việc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong ngành Công Thương có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Gia Lai.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý nhà nước của Sở Công Thương, giúp nâng cao hiệu quả công việc của từng công chức, viên chức trong cơ quan, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác các thiết bị hạ tầng hiện có, từng bước nâng cấp các trang thiết bị; đồng thời đảm bảo an toàn thông tin, an toàn dữ liệu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử là nền tảng để thực hiện quá trình chuyển đổi số hiệu quả của ngành Công Thương. Đây là nhiệm vụ quan trọng để góp phần hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TU.

- Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Công Thương tại Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đầu tư đầy đủ, chất lượng cơ sở hạ tầng mạng, máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu xử lý công việc nhanh, hiệu quả; bảo đảm an toàn dữ liệu, an toàn thông tin, bảo mật thông tin trong hoạt động cơ quan; xây dựng môi trường chính sách đầy đủ nhằm đáp ứng điều kiện Chính quyền điện tử cấp tỉnh, góp phần xây dựng ngành Công Thương địa phương hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số:

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Bảo đảm 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của Sở Công Thương được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay.

- Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Tối thiểu 50% dịch vụ công mới có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- Cung cấp dịch vụ công, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần; 100% công chức, viên chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (đơn vị trực thuộc Sở Công Thương) sử dụng có hiệu quả triển khai sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cũng như các ứng dụng dùng chung khác của tỉnh; tăng cường sử dụng chữ ký số trong hoạt động của cơ quan.

- 100% văn bản trao đổi với các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Công Thương được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở.

- 100% công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển Kinh tế số:

- Phát triển mạnh mẽ Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm của người dân và doanh nghiệp.

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 08%.

c) Phát triển Xã hội số:

Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số:

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tối thiểu 30% thủ tục hành chính của Sở Công Thương được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ).

- Tối thiểu 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Công Thương được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở.

b) Phát triển Kinh tế số:

- 100% doanh nghiệp có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử;

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử đạt ít nhất 20% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của toàn tỉnh.

- Tối thiểu 50% doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sử dụng dữ liệu số, công nghệ số trong sản xuất.

c) Phát triển Xã hội số:

Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng Chuyển đổi số

1.1. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số

- Tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến rộng rãi các chủ trương, chính sách của Trung ương và Tỉnh ủy liên quan đến cuộc Cách mạng 4.0, chuyển đổi số như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về *một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*; Quyết định số 749/QĐ-TTg; các chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của Chính phủ; Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về *ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành

Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) và các Chiến lược, chương trình của Chính phủ.

- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở trực tiếp tham mưu thực hiện chuyển đổi số theo lĩnh vực quản lý, gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đảng viên và nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua ứng dụng nền tảng công nghệ số và Trang thông tin điện tử Sở Công Thương;

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của Sở đồng thời tăng cường biên soạn tin, bài chủ trương, chính sách của ngành, kịp thời cập nhật và đăng tải các thủ tục hành chính mới trên Cổng dịch vụ công tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở với người dân, doanh nghiệp sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác dưới sự quản lý của Nhà nước);

- Đẩy mạnh truyền thông về các hệ thống, ứng dụng của Sở có đối tượng sử dụng là tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy Chuyển đổi số ngành Công Thương; công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ Chuyển đổi số

a) Về cơ chế chính sách:

- Áp dụng đúng, đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển Chuyển đổi số của Trung ương.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách của ngành Công Thương để thúc đẩy Chuyển đổi số.

- Xây dựng Đề án Khung kiến trúc Công nghệ thông tin phục vụ Chuyển đổi số ngành Công Thương.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ Chuyển đổi số:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức công nghệ thông tin trong cơ quan để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản

lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện Chuyển đổi số.

- Tổ chức, phối hợp tổ chức, tham gia tập huấn các chuyên đề kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho đội ngũ công chức, viên chức trong cơ quan.

- Tổ chức các khóa học, trao đổi, bồi dưỡng về Chuyển đổi số cho doanh nghiệp, người dân, trước hết là những người đứng đầu doanh nghiệp lĩnh vực công thương; đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động và đáp ứng được các nhu cầu phát triển của ngành Công Thương.

1.3. Về phát triển hạ tầng số

- Đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở, phục vụ các cuộc họp số, không giấy tờ.

- Đánh giá, lập kế hoạch nâng cấp, triển khai hạ tầng Công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng việc triển khai Chuyển đổi số (như số hóa kết quả Thủ tục hành chính, hạ tầng triển khai các hệ thống Công nghệ thông tin, ...).

1.4. Về phát triển nền tảng số

- Thúc đẩy phát triển các nền tảng số trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số tham gia đầu tư phát triển các nền tảng số trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp như xúc tiến thương mại trực tuyến, kinh doanh/mua sắm trực tuyến,...

- Xây dựng Nền tảng Quản trị Ứng dụng dùng chung với mục đích hình thành nền tảng chung cho tất cả ứng dụng đã, đang và sẽ xây dựng của Sở.

- Thực hiện điều chỉnh, tích hợp các ứng dụng đã phát triển vào Nền tảng Quản trị Ứng dụng dùng chung.

1.5. Về phát triển dữ liệu số

- Phát triển, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và quản lý nhà nước, kết nối, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia, Hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương, đưa về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Số hóa và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

- Ban hành danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi của ngành Công Thương.

1.6. Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tăng cường năng lực, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin. Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình "04 lớp"; định kỳ kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Tham gia các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

1.7. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Chủ động hợp tác với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ số có tiềm năng áp dụng trong hoạt động của ngành Công Thương với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ thông tin.

2. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương và phần mềm Quản lý nhà nước chuyên ngành có API chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các ứng dụng khác; đảm bảo đến 2025 hoàn thành Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương và các phần mềm chuyên ngành được chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần; tận dụng sức mạnh của công nghệ số để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét giảm chi phí và thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định.

- Xây dựng phần mềm Quản lý thanh tra và xử lý vi phạm hành chính (Quản lý các hoạt động thanh tra, xử lý vi phạm hành chính, số hóa nhật ký điện tử của công tác thanh tra, ...).

- Xây dựng phần mềm theo dõi và giám sát trong công việc tại Sở (quản lý, theo dõi, giám sát quá trình xử lý văn bản, công việc được giao của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nguồn khác như một cửa điện tử, quản lý văn bản và điều hành, ... bao gồm ứng dụng web và ứng dụng di động).

3. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số

- Xây dựng, ban hành và triển khai Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ban hành và triển khai Đề án khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng sản xuất thông minh và thí điểm mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành Công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên tập trung chuyển đổi số cho công nghiệp năng lượng tái tạo như: Điện năng lượng mặt trời, điện gió, điện sinh khối hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng, hình thành, phát triển các chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến, đảm bảo kết nối cung cầu thông qua khai thác, sử dụng các nền tảng số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030. Phối hợp với các ban, ngành, các doanh nghiệp, hợp tác xã... xây dựng, tích hợp các cơ sở dữ liệu thông tin về Xúc tiến thương mại của tỉnh lên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

- Xây dựng và triển khai Đề án Hội chợ triển lãm trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị các Bộ, ngành trung ương điều chỉnh các quy định, điều kiện kinh doanh theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp, các mô hình kinh doanh.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các địa phương tổ chức tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương.

- Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông (tại địa chỉ <http://smedx.vn> và <http://smedx.mic.gov.vn>).

4. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số

- Phối hợp tổ chức các hội nghị tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp của tỉnh.

- Phối hợp quảng bá trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh con người Gia Lai văn minh, thân thiện, mến khách.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Chủ trì, đơn đốc các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này.

2. Phòng Quản lý Thương mại

Chủ trì theo dõi, đơn đốc, thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ Chuyển đổi số thuộc nhóm chỉ tiêu về lĩnh vực thương mại.

3. Phòng Quản lý Công nghiệp

Chủ trì theo dõi, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số trong lĩnh vực Công nghiệp.

4. Phòng Quản lý năng lượng

Chủ trì theo dõi, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số trong lĩnh vực Năng lượng.

5. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Phối hợp với các đơn vị chủ trì triển khai hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các phòng, đơn vị thuộc Sở có trách nhiệm chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Văn phòng Sở tổng hợp (trước ngày 15/12 hàng năm).

- Văn phòng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao của Sở tại Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (trước ngày 20/12 hàng năm), gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Công Thương. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị thuộc Sở kịp thời thông tin về Văn phòng để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: Văn thư, Văn phòng.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Bình

PHỤ LỤC 01
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SCT ngày / /2022 của Sở Công Thương)

BẢNG 1: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Chủ trì theo dõi, đơn đốc	Đơn vị Thực hiện	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số					
1	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	%	80	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
2	Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
3	Người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
4	Hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
5	Thủ tục hành chính của Sở Công Thương được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay	%	20	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
6	Dịch vụ công mới có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước	%	50	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
7	Công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị Thực hiện	Ghi chú
8	Sử dụng có hiệu quả triển khai sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cũng như các ứng dụng dùng chung khác của tỉnh; tăng cường sử dụng chữ ký số trong hoạt động của cơ quan			Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
9	Văn bản trao đổi với các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
10	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	90	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
11	Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
12	Hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Công Thương được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở	%	50	Văn phòng Thanh tra	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
13	Công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
14	Công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	%	50	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
II	Phát triển Kinh tế số					
1	Phát triển mạnh mẽ Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh			Phòng Quản lý Thương mại	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, TP; các doanh nghiệp trên địa bàn	
2	Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm của người dân và doanh nghiệp			Phòng Quản lý Thương mại	Ngân hàng nhà nước; UBND các huyện, thị xã, thành phố	

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Chủ trì theo dõi, đơn đốc	Đơn vị Thực hiện	Ghi chú
3	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	08	Phòng Quản lý Thương mại	Các đơn vị liên quan	
4	Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sử dụng dữ liệu số, công nghệ số trong sản xuất	%	20	Phòng Quản lý Công nghiệp	Các đơn vị liên quan	
5	Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp			Phòng Quản lý Công nghiệp	Các đơn vị liên quan	
6	Tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	
7	Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	
8	Hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện, đi đôi với nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	
III	Phát triển Xã hội số					
1	Người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương	%	70	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	

BẢNG 2: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị Thực hiện	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số					
1	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	%	100	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
2	Thủ tục hành chính của Sở Công Thương được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ)	%	30	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
3	Hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Công Thương được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở	%	70	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	
II	Phát triển Kinh tế số					
1	Doanh nghiệp có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	%	100	Phòng Quản lý Thương mại	Ngân hàng nhà nước; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử đạt so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của toàn tỉnh	%	20	Phòng Quản lý Thương mại	Các đơn vị liên quan	
3	Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sử dụng dữ liệu số, công nghệ số trong sản xuất	%	50	Phòng Quản lý Công nghiệp	Các đơn vị liên quan	
4	Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp			Phòng Quản lý Công nghiệp	Các đơn vị liên quan	
5	Tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị Thực hiện	Ghi chú
6	Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	
7	Hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện, đi đôi với nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện			Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực Gia Lai; các đơn vị kinh doanh, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh	
III	Phát triển Xã hội số					
1	Người dân, doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương	%	90	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SCT ngày / /2022 của Sở Công Thương)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp các dịch vụ số, thông tin số thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương thông qua các kênh truyền thông như báo điện tử, truyền thanh, truyền hình...	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	Hàng năm
2	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp lĩnh vực công thương; đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động và đáp ứng được các nhu cầu phát triển của ngành Công Thương	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2025
4	Đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở, phục vụ các cuộc họp số, không giấy tờ	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2025
5	Xây dựng Đề án Khung kiến trúc CNTT phục vụ Chuyển đổi số ngành Công thương	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023
6	Xây dựng phần mềm Theo dõi và giám sát trong công việc tại Sở	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2024
7	Xây dựng Nền tảng Quản trị ứng dụng dùng chung	Văn phòng	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2024-2025
8	Xây dựng phần mềm Quản lý thanh tra và xử lý vi phạm hành chính	Thanh tra	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2024
9	Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Phòng Quản lý Thương mại	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2022-2025

10	Xây dựng Đề án Hội chợ, triển lãm trực tuyến	Phòng Quản lý Thương mại	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2024-2025
11	Xây dựng Đề án khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng sản xuất thông minh và thí điểm mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Phòng Quản lý Công nghiệp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2025
12	Xây dựng Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Phòng Quản lý Công nghiệp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở; các đơn vị liên quan	2023-2025